

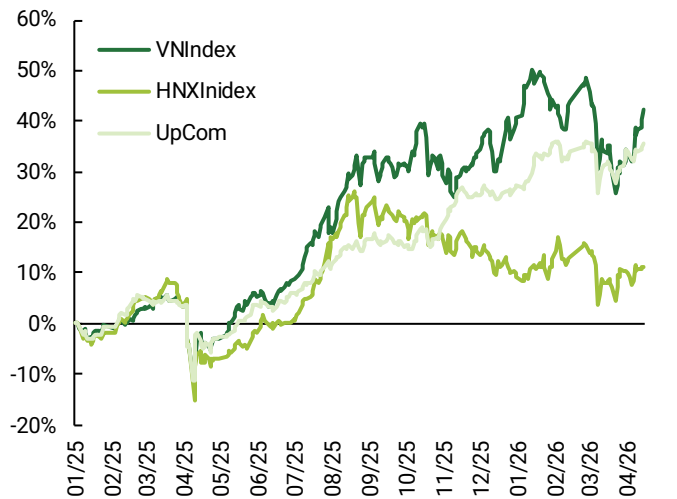
**VN-Index** **1800.65 (1.41%)**  
1013 Tr. cổ phiếu 28413.6 Tỷ VND (20.67%)

**HNX-Index** **252.72 (0.12%)**  
113 Tr. cổ phiếu 2025.8 Tỷ VND (61.14%)

**UPCOM-Index** **128.85 (0.70%)**  
36 Tr. cổ phiếu 607.2 Tỷ VND (-43.91%)

**VN30F1M** **1961.00 (0.76%)**  
171,681 HD OI: 22,007 HD

### % Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1800.7, tăng +25.0 điểm (+1.41%). Thanh khoản tăng nhẹ với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Vingroup là động lực chính giữ lại sắc xanh cho thị trường, trong khi áp lực điều chỉnh chi phối ở mặt bằng chung cổ phiếu.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: VRE (+5.0%), VHM (+6.3%), VIC (+7.0%) | Du lịch và Giải trí: VPL (+5.0%), VJC (+6.8%) | Dịch vụ tài chính: EVF (+1.1%), HCM (+3.5%). Diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: STB (-2.7%), VIB (-1.4%) | Hóa chất: DCM (-3.4%), DGC (-3.0%) | Thực phẩm và đồ uống: DBC (-2.1%), ANV (-1.8%) | Tài nguyên Cơ bản: SMC (-2.5%), VPG (-2.4%), KSB (-1.8%) | Xây dựng và Vật liệu: DPG (-2.3%), VGC (-2.0%), VCG (-2.0%).  
Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, VPL, VJC, VCB - Chiều giảm | HPG, STB, MWG, FPT, VCK  
Khối ngoại Bán ròng hơn 3500 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VHM, FPT, STB, trong khi mua ròng VIC, VCB, SSI.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- Sự phân hóa gia tăng khi **VN-Index** tiến sát vùng kháng cự mục tiêu của nhịp hồi, quanh mốc 1800 điểm. Nhóm Vingroup tiếp tục đóng vai trò nâng đỡ, giúp duy trì sắc xanh, trong khi áp lực điều chỉnh chi phối ở mặt bằng chung cổ phiếu. Dù vậy, cung bán chưa quá đột biến, cho thấy diễn biến hiện tại nghiêng về phản ứng kỹ thuật trong bối cảnh thiếu sự đồng thuận tại vùng cản. Nếu trạng thái này kéo dài, độ bền của xu hướng sẽ suy giảm và làm gia tăng rủi ro đảo chiều. Ở kịch bản tích cực, nếu độ rộng thị trường phục hồi, có thể kỳ vọng mục tiêu cao hơn quanh ngưỡng 1850 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục giằng co trong biên độ 249 – 254 mang tính tích lũy. Mục tiêu cao hơn cho nhịp hồi là ngưỡng 264, trong khi hỗ trợ gần hiện tại là ngưỡng 247.
- **Chiến lược:** Chỉ số đang tiếp cận vùng cản và dòng tiền trở lại phân hóa, chiều mua ngắn hạn nên tận dụng tín hiệu điều chỉnh, hạn chế mua đuổi. Trường hợp đã đạt đủ tỷ trọng mục tiêu, nên nghiêng về nắm giữ, tránh mua thêm bình quân khi giá giảm. Theo dõi thêm sự cải thiện của độ rộng thị trường trong các phiên tới. Các nhóm ngành đáng chú ý gồm Ngân hàng, Tiêu dùng, Đầu tư công và Bất động sản.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi VJC (Xem tiếp tại trang 7)

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
<b>Theo chỉ số</b>												
VN-Index	1,800.7 ▲	1.4%	2.5%	6.2%	28,413.6 ▲	20.7%	-18.8%	3.5%	1,012.5 ▲	7.4%	-19.6%	-1.1%
HNX-Index	252.7 ▬	0.1%	-0.2%	2.8%	2,025.8 ▲	61.1%	2.1%	-18.5%	113.1 ▲	63.0%	4.8%	-9.0%
UPCOM-Index	128.9 ▬	0.7%	0.9%	3.3%	607.2 ▼	-43.9%	-43.0%	-48.7%	35.7 ▼	-50.2%	-43.4%	-50.7%
VN30	1,961.6 ▬	0.8%	1.6%	5.8%	16,050.7 ▲	26.4%	-20.5%	21.7%	370.4 ▼	-5.3%	-33.4%	-0.5%
VNMID	2,247.8 ▼	-0.5%	0.6%	4.0%	10,256.7 ▲	14.1%	-14.8%	-13.1%	470.9 ▲	16.2%	-14.5%	-9.3%
VNSML	1,421.9 ▼	-0.4%	-0.3%	0.4%	1,355.3 ▲	20.1%	-7.5%	-15.6%	89.2 ▲	22.7%	-21.8%	-17.5%
<b>Theo ngành (VNIndex)</b>												
Ngân hàng	634.2 ▼	-0.1%	4.18%	3.6%	6,018.3 ▼	-11.15%	-22.1%	-7.0%	266.7 ▼	-9.0%	-18.8%	-2.0%
Bất động sản	865.6 ▲	5.5%	12.7%	17.3%	8,286.5 ▲	144.4%	96.0%	111.6%	197.9 ▲	55.9%	11.8%	30.6%
Dịch vụ tài chính	323.3 ▼	-0.4%	4.4%	6.6%	4,350.0 ▲	45.5%	13.6%	24.7%	195.2 ▲	52.1%	17.3%	26.0%
Công nghiệp	277.1 ▼	-0.7%	4.0%	12.1%	1,123.8 ▲	6.6%	-12.9%	-17.1%	31.2 ▲	10.0%	-9.7%	-15.6%
Tài nguyên cơ bản	550.0 ▼	-1.6%	6.7%	6.7%	1,102.8 ▼	-50.1%	-35.3%	-7.0%	47.1 ▼	-48.8%	-31.5%	-6.1%
Xây dựng - Vật Liệu	181.9 ▼	-1.2%	5.3%	3.4%	1,774.8 ▲	5.5%	-4.9%	16.9%	85.0 ▲	11.2%	-6.0%	18.2%
Thực phẩm	505.9 ▼	-0.3%	-6.4%	-30.8%	1,625.2 ▼	-10.8%	14.3%	17.4%	34.7 ▼	-31.8%	2.9%	9.3%
Bán Lẻ	1,506.4 ▼	-1.6%	4.1%	1.1%	450.5 ▼	-22.9%	-38.3%	-45.0%	6.2 ▼	-27.3%	-37.0%	-45.8%
Công nghệ	406.6 ▼	-1.4%	3.1%	-0.7%	916.8 ▲	61.5%	24.4%	25.4%	12.9 ▲	55.1%	21.1%	19.5%
Hóa chất	181.9 ▼	-0.3%	3.7%	-6.5%	681.4 ▼	-2.9%	-7.8%	-33.5%	19.4 ▲	2.5%	-2.3%	-27.5%
Tiện ích	757.1 ▼	-0.2%	2.3%	-7.2%	408.5 ▲	13.9%	-31.3%	-37.3%	17.0 ▲	3.2%	-22.3%	-36.4%
Dầu khí	107.4 ▼	-0.7%	4.4%	-22.2%	519.7 ▼	-26.6%	-26.4%	-42.9%	17.5 ▼	-27.7%	-26.1%	-39.1%
Dược phẩm	427.8 ▼	-0.5%	-1.4%	-2.3%	53.8 ▼	-31.8%	-35.1%	-0.6%	2.0 ▼	-25.4%	-23.1%	6.9%
Bảo hiểm	114.7 ▼	-1.3%	-4.9%	3.5%	53.4 ▲	56.1%	-22.3%	-29.4%	1.1 ▲	69.8%	-22.5%	-32.5%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,800.7 ▲	1.41%	0.9%	16.4x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,507	-	19.6%	17.1x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	7,624 ▼	-0.68%	-11.8%	18.2x	2.0x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,409 ▬	0.02%	0.9%	16.4x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,063 ▬	0.84%	0.2%	9.2x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,027 ▬	0.01%	1.5%	16.9x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,947 ▬	0.29%	1.2%	13.4x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	58,134 ▬	0.44%	15.5%	22.6x	2.7x
S&P 500	Mỹ	6,967 ▲	1.18%	1.8%	27.3x	5.4x
Dow Jones	Mỹ	48,536 ▬	0.66%	1.0%	24.1x	5.6x
FTSE 100	Anh	10,618 ▬	0.09%	6.9%	16.9x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,962 ▼	-0.37%	3.0%	17.2x	2.5x
<hr/>						
DXY		98.2 ▼	-0.16%	-0.1%		
USDVND		26,334 ▼	-0.015%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

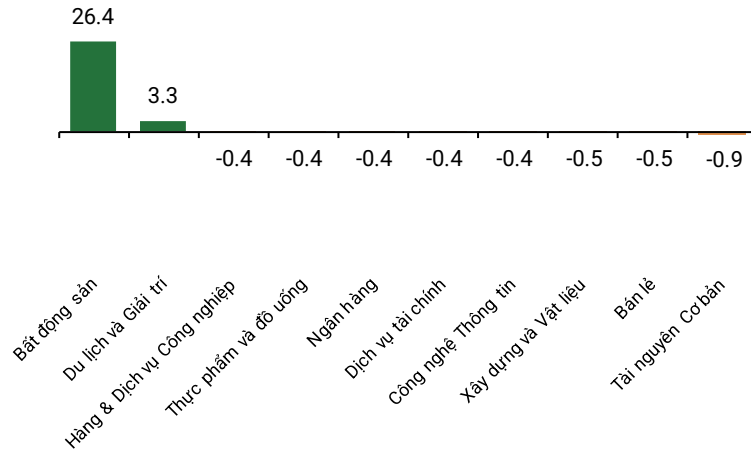
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	1.5%	-6.7%	58.1%	48.8%
Dầu WTI	▲	1.7%	-6.0%	61.6%	51.3%
Khí gas	▼	-0.3%	-17.2%	-29.7%	-22.2%
Than cốc (*)	▬	0.0%	3.6%	0.0%	5.9%
Thép HRC (*)	▬	0.1%	0.5%	0.9%	-0.5%
PVC (*)	▲	4.3%	3.9%	13.8%	2.5%
Phân Urea (*)	▼	-0.6%	20.6%	93.9%	108.4%
Cao su thiên nhiên	▬	0.4%	4.4%	13.1%	20.8%
Bông Cotton	▬	0.2%	13.1%	15.9%	14.4%
Đường	▼	-0.5%	-3.9%	-8.0%	-21.2%
World Container Index	▬	0.0%	8.8%	4.3%	1.9%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-4.3%	26.6%	148.3%	187.8%
<hr/>					
Vàng	▼	-0.83%	-4.3%	11.2%	48.6%
Bạc	▼	-1.00%	-2.3%	9.9%	143.7%

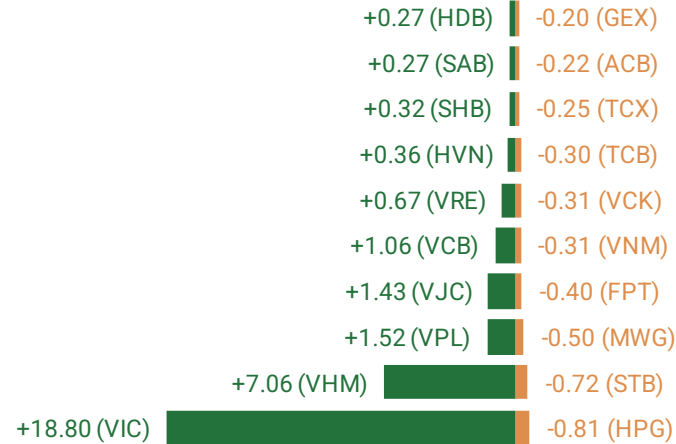
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

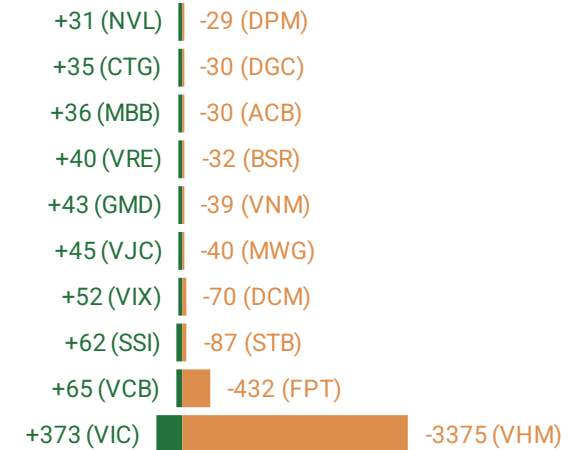
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



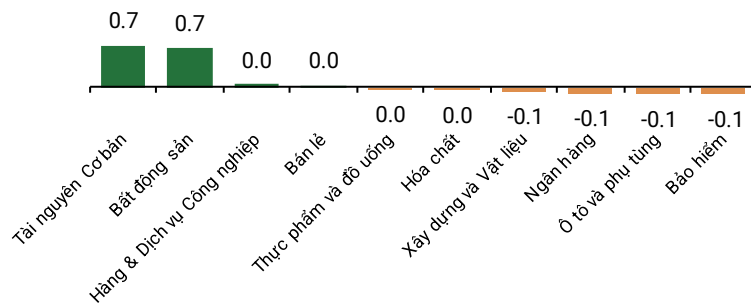
### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



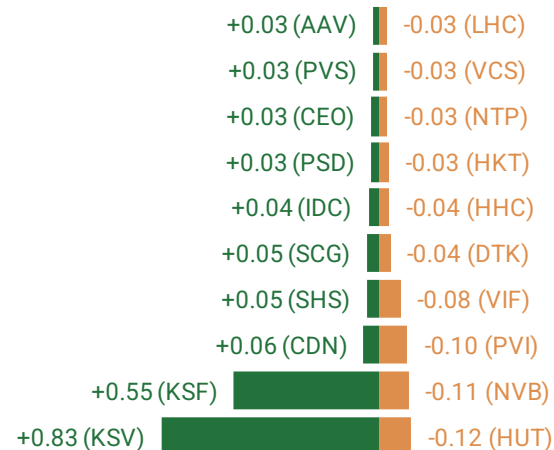
### TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



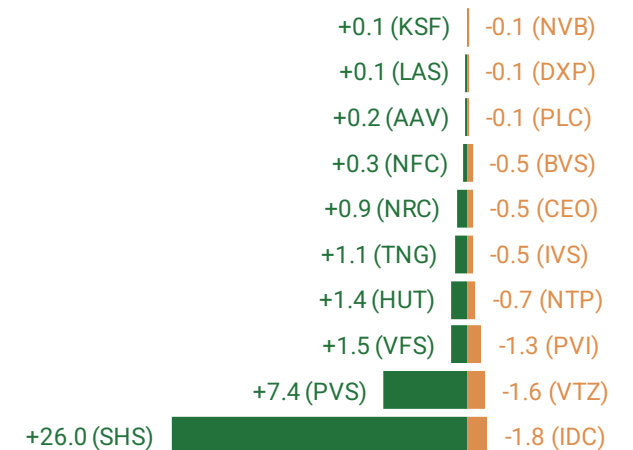
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VIC	SHB	VIX	HCM	VHM
%DoD	6.9%	2.0%	0.3%	3.5%	6.3%
Giá trị	1,159	1,097	922	895	884

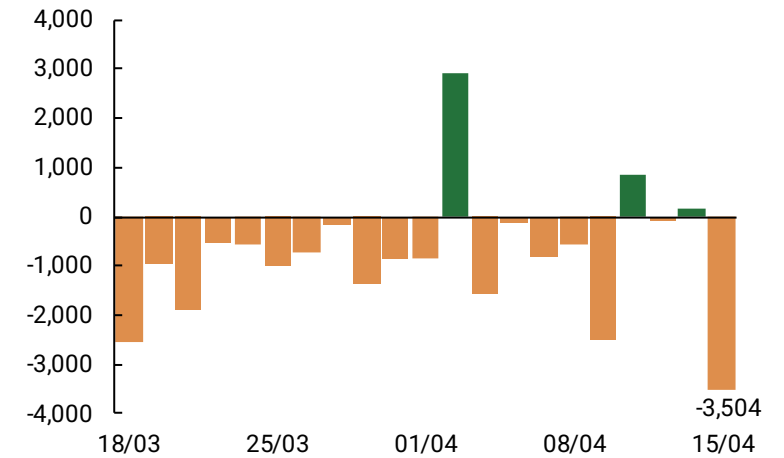
### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VHM	SHB	VNM	VCI	OCB
%DoD	6.3%	2.0%	-1.1%	-0.9%	-0.9%
Giá trị	3,409	420	361	352	198

## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



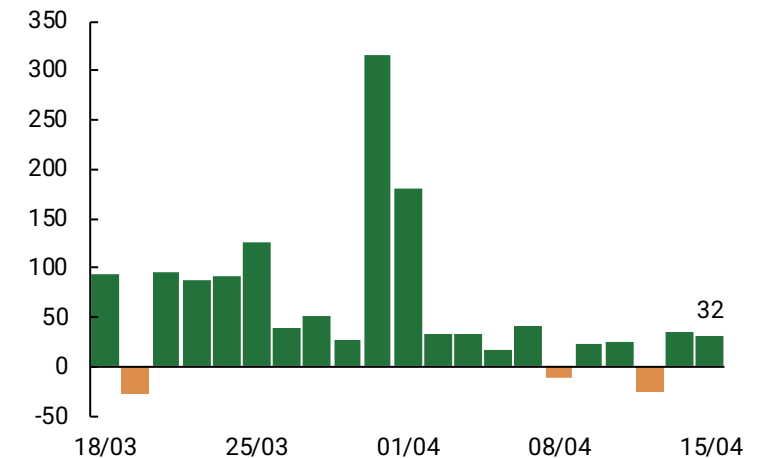
	SHS	CEO	PVS	IDC	MBS
%DoD	0.6%	0.6%	0.3%	0.4%	0.0%
Giá trị	461	264	134	83	77

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	HUT	DVM	DNP	IDC
%DoD	0.6%	-1.2%	6.5%	0.0%	0.4%
Giá trị	252	249	63	39	20

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến tăng, vol ngang mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1680 - 1700.
- ✓ Kháng cự: 1800 | 1850.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

**Kịch bản:** Chỉ số tiếp cận mức kháng cự (1) quanh vùng 1800 điểm. Độ rộng thị trường suy yếu là điểm cần lưu ý. Nếu mức lan tỏa không cải thiện, rủi ro đảo chiều sẽ gia tăng. Trường hợp các cổ phiếu trụ tiếp tục tăng rướn, chỉ số có thể tiếp tục đà tăng lên vùng mục tiêu cao hơn, quanh ngưỡng 1850 điểm, nhưng độ bền của xu hướng tăng vẫn sẽ kém.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Doji, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1850 - 1870.
- ✓ Kháng cự: 1980 - 2000.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

**Kịch bản:** VN30 cũng chứng kiến số mã giảm áp đảo hơn, cho thấy đà tăng được nâng đỡ nhiều bởi nhóm Vingroup. Nếu độ rộng không cải thiện, rủi ro đảo chiều sẽ gia tăng. Trường hợp các cổ phiếu trụ tiếp tục tăng rướn, chỉ số có thể tiếp tục đà tăng lên vùng mục tiêu cao hơn quanh mốc 2000 điểm, nhưng độ bền của xu hướng vẫn sẽ kém.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	<b>VJC</b>	<b>WATCH</b>	Current price	<b>178.20</b>	P/E (x)	47.8
Exchange	HOSE		Watch zone	<b>170 - 171</b>	P/B (x)	4.3
Sector	Airlines		Target price	190	EPS	3727.5
			Cut loss price	160	ROE	10.1%
				Stock Rating	BB	
				Scale Market Cap	Large	



## TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Nến tăng Marubozu thoát khỏi nền tích lũy.
  - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và cải thiện lên miền dương, cùng với RSI cũng cải thiện lên trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
  - Thanh khoản tăng mạnh cho thấy dòng tiền quay trở lại.
  - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh yếu dần và có thể trở lại quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát phản ứng khi giá kiểm định lại khu vực 170

### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	VJC	Theo dõi	16/04/2026	178.20	170 - 171	-	190	11.44%	160	-6.16%	

### Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	NLG	Mua	01/04/2026	-	28.95	28.5 - 29	0.7%	32	11.30%	26.8	-6.78%	
2	SIP	Mua	09/04/2026	-	60.9	60.5 - 61	0.2%	68	11.93%	57	-6.17%	
3	VIB	Mua	09/04/2026	-	17.35	17.1 - 17.3	1.2%	18.7	9.04%	16.3	-4.96%	
4	HPG	Mua	14/04/2026	-	28.05	27.6 - 27.8	1.3%	31	11.91%	26	-6.14%	



### Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1961, tăng 14.7 điểm (+0.8%). Thanh khoản giảm khi gần đến ngày đáo hạn. Giá mở cửa hưng phấn đầu phiên nhưng đã nhanh chóng hạ nhiệt và trở lại đi ngang trong khu vực 1955 - 1960.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD vẫn cắt xuống đường tín hiệu, song RSI duy trì trên mức trung bình, cho thấy động lượng tăng chưa bị phủ định hoàn toàn. Tín hiệu nghiêng về trung tính do các cổ phiếu trụ lớn ảnh hưởng ở VN30. Lưu ý biến động lớn có thể xảy ra. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1954, có thể gia tăng khi giá mất ngưỡng 1938. Vị thế Long cân nhắc khi giá củng cố trên ngưỡng 1966.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1891.6, tăng 15.8 điểm (+0.8%). Độ lệch basis 1.3 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 34 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1880 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1900 điểm.

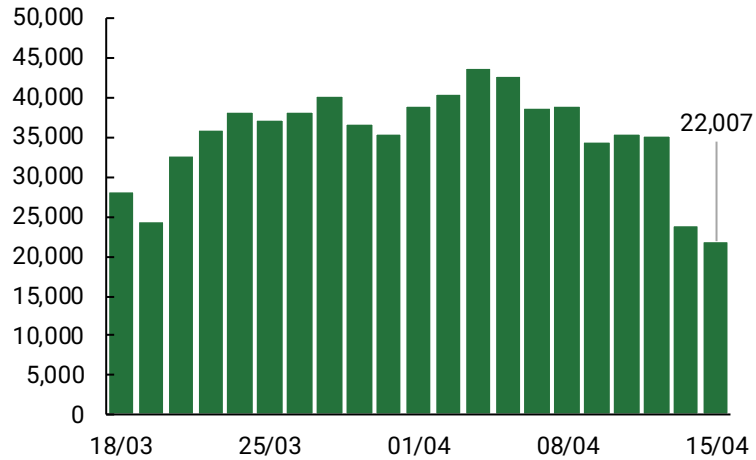
### Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1966	1978	1958	12 : 8
Short	< 1954	1942	1962	12 : 8
Short	< 1938	1924	1946	14 : 8

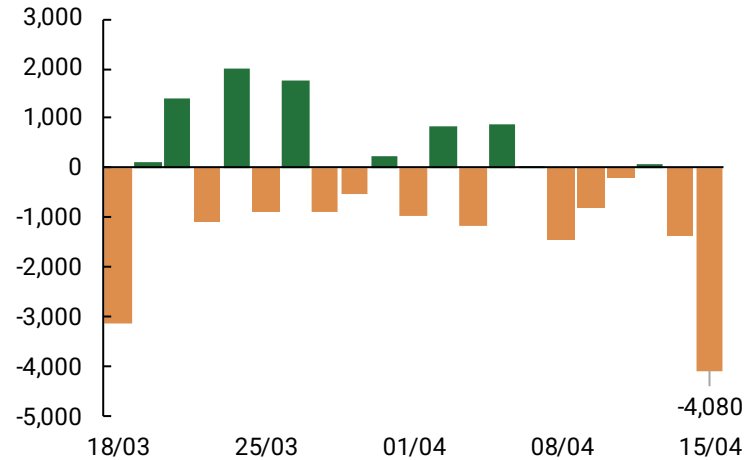
### Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	1,958.9	15.1	34	324	1,974.2	-15.3	17/09/2026	155
4111G6000	1,956.8	38.8	814	1,331	1,966.8	-10.0	18/06/2026	64
4111G5000	1,957.0	12.1	10,701	11,047	1,964.5	-7.5	21/05/2026	36
4111G4000	1,961.0	14.7	171,681	22,007	1,961.7	-0.7	16/04/2026	1
4112G4000	1,891.6	15.8	34	15	1,893.0	-1.4	16/04/2026	1

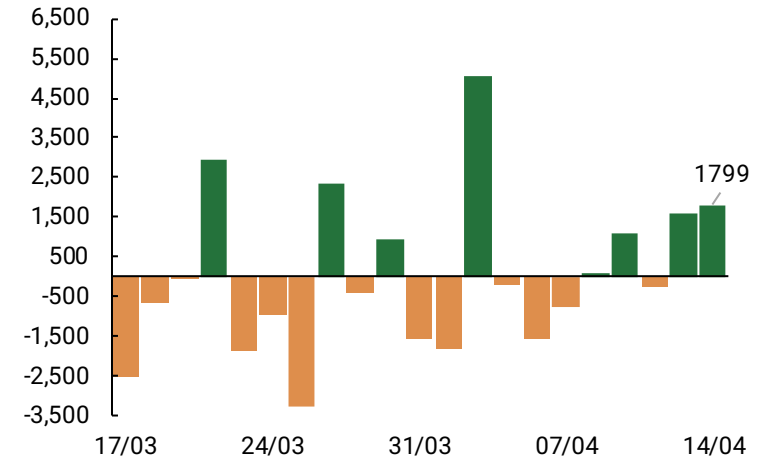
Khối lượng mở (Open interest)



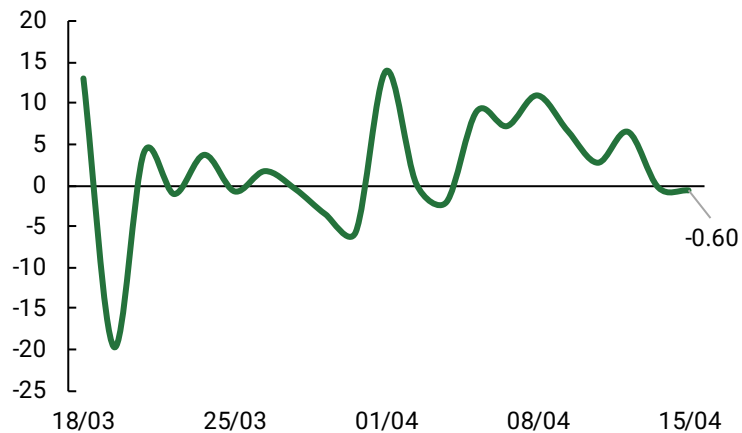
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



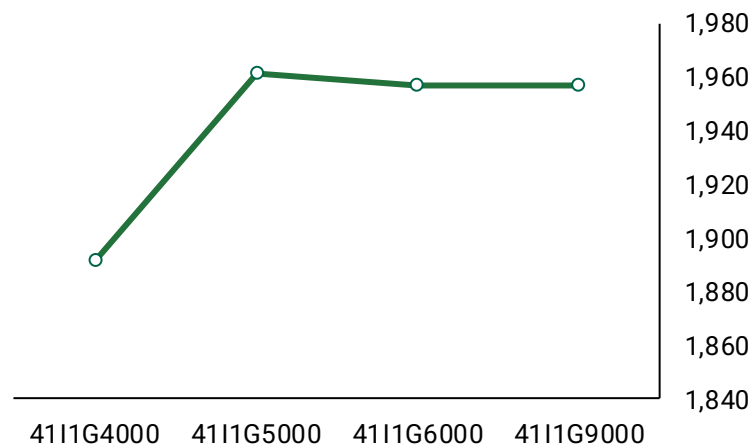
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



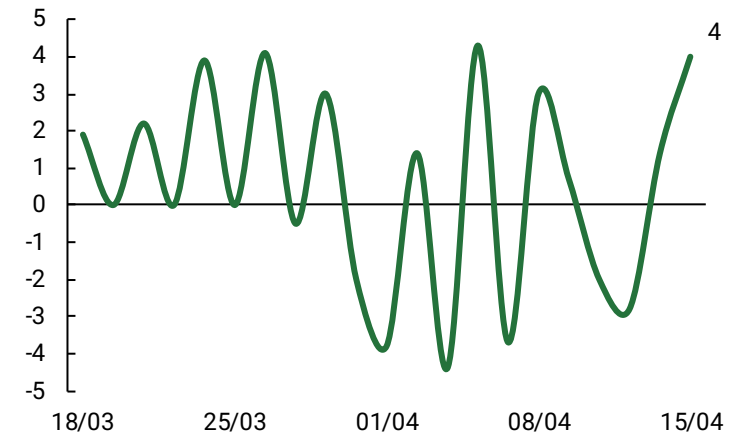
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	69,000	65,400	-5.2%	Giảm tỷ trọng
BCM	54,600	73,400	34.4%	Mua
CTG	35,050	45,200	29.0%	Mua
CTD	82,200	87,050	5.9%	Nắm giữ
CTI	22,750	27,200	19.6%	Tăng tỷ trọng
DBD	50,400	68,000	34.9%	Mua
DDV	28,519	35,900	25.9%	Mua
DGC	54,600	99,300	81.9%	Mua
DGW	44,650	48,500	8.6%	Nắm giữ
DPG	43,000	42,900	-0.2%	Giảm tỷ trọng
DPR	41,000	46,500	13.4%	Tăng tỷ trọng
DRI	12,975	17,200	32.6%	Mua
EVF	14,000	14,400	2.9%	Nắm giữ
FRT	151,000	157,600	4.4%	Nắm giữ
GMD	74,300	77,000	3.6%	Nắm giữ
HAH	54,400	60,300	10.8%	Tăng tỷ trọng
HDG	28,400	34,000	19.7%	Tăng tỷ trọng
HHV	12,900	12,300	-4.7%	Giảm tỷ trọng
HPG	28,050	34,300	22.3%	Mua
IMP	55,900	55,000	-1.6%	Giảm tỷ trọng
KDH	26,550	38,800	46.1%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MCH	140,000	177,200	26.6%	Mua
MWG	80,000	99,600	24.5%	Mua
NLG	28,950	39,900	37.8%	Mua
NT2	26,100	27,700	6.1%	Nắm giữ
PHR	61,800	72,800	17.8%	Tăng tỷ trọng
PNJ	109,200	113,300	3.8%	Nắm giữ
PVS	38,700	39,900	3.1%	Nắm giữ
PVT	21,350	18,900	-11.5%	Bán
POW	13,050	15,000	14.9%	Tăng tỷ trọng
SAB	46,150	57,900	25.5%	Mua
SSI	28,700	32,100	11.8%	Tăng tỷ trọng
TLG	52,900	50,900	-3.8%	Giảm tỷ trọng
TCB	31,850	42,400	33.1%	Mua
TCM	24,100	37,900	57.3%	Mua
TRC	72,600	94,800	30.6%	Mua
VCB	59,900	84,200	40.6%	Mua
VPB	27,350	37,000	35.3%	Mua
VCG	22,400	26,200	17.0%	Tăng tỷ trọng
VHC	61,000	60,000	-1.6%	Giảm tỷ trọng
VNM	61,300	66,650	8.7%	Nắm giữ

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

- 02/02 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 05/02 EU – ECB họp và quyết định lãi suất  
Anh – BOE họp và quyết định lãi suất
- 06/02 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp  
Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô
- 10/02 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 11/02 Mỹ – Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)  
Việt Nam – MSSI công bố danh mục
- 13/02 Trung Quốc – Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- 16/02 Nhật Bản – Tăng trưởng GDP
- 19/02 Mỹ - Biên bản họp FOMC  
Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
- 20/02 Mỹ - PCE lõi, Ước tính GDP lần đầu
- 24/02 Trung quốc – Lãi suất cho vay cơ bản
- 27/02 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)

### THÔNG TIN VĨ MÔ

[Text here]

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

[Text here]

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Định nghĩa xếp loại**

**MUA:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

**TĂNG TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

**NẮM GIỮ:** Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

**BÁN:** Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

**GIẢM TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

**KHÔNG XẾP HẠNG:** Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

#### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

#### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

#### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415